

Bản án số: 98/2024/HS-ST

Ngày: 20/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ- TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thanh Thủy.

2. Bà Đinh Thị Khang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2024/TLST - HS ngày 18 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2024/QĐXXST - HS ngày 05/8/2024, đối với bị cáo:

Trần Văn M - Tên gọi khác: không; sinh ngày 16 tháng 6 năm 1986, tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Lương Thị Đ; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 18/11/2008, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, xử phạt 06 (S) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tài sản trộm cắp trị giá 750.000 đồng); Ngày 12/11/2012, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 27/5/2013 chấp hành xong bản án.

Bị cáo đầu thú ngày 22/01/2024, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

***/Người làm chứng:**

- Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1988. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chị Trần Thị Minh T1, sinh năm 1988, chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1987 và anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1991. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 50 phút ngày 22/01/2024, Trần Văn M mang theo Chứng minh

nhân dân (viết tắt là CMND) giả số 132777611, dán ảnh chân dung của M, nhưng mang tên NGUYỄN TIẾN L (có nhân thân: sinh ngày 19/4/1987; nơi thường trú: X, Y, Phú Thọ) đến Ngân hàng thương mại cổ phần B- phòng G (viết tắt là B1) tại phường C, thành phố C để mở tài khoản. Khi M sử dụng CMND giả để làm thủ tục thì bị nhân viên của phòng giao dịch B1 phát hiện nên đã trình báo Công an phường C. Phòng giao dịch đã nộp 03 bản photo CMND giả dán ảnh chân dung của M (do B1 cảnh báo trên hệ thống ngân hàng) nhưng khác nhau về thông tin gồm: CMND số 130557719 mang tên Nguyễn Phương A; CMND số 085888741 mang tên Phạm Văn H và CMND số 063777621 mang tên Hoàng Quốc V. Cùng ngày, M đầu thú, giao nộp 01 điện thoại di động hiệu Redmi 13C, gắn 02 sim số 0337.374.531 và 0867.564.257; 01 CMND mang tên Nguyễn Tiến L1 và 735.000 đồng.

Quá trình điều tra đã xác định, ngoài việc sử dụng CMND giả mang tên Nguyễn Tiến L1 để mở tài khoản thì M còn nhiều lần sử dụng CMND giả khác để mở tài khoản tại nhiều ngân hàng, cụ thể như sau:

Ngày 09/01/2024, M sử dụng CMND giả số 130557719 dán ảnh của M, nhưng mang tên NGUYỄN PHƯƠNG A1 (có nhân thân: sinh ngày 14/6/1985; nơi thường trú: X, Yên L2, Phú Thọ do Công an tỉnh P cấp) để mở tài khoản số 07691110001 tại Ngân hàng thương mại cổ phần B2 - Phòng G1, chi nhánh H1 (viết tắt là L3).

Ngày 16/01/2024, M sử dụng CMND giả số 063777621 dán ảnh của M, nhưng mang tên HOÀNG QUỐC V1 (có nhân thân: sinh ngày 15/4/1984; nơi thường trú: Y, L, Yên Bái do Công an tỉnh Y cấp) để mở 02 tài khoản số 1044049805 và số 2407205294415 tại Ngân hàng thương mại cổ phần N2, chi nhánh tỉnh H (viết tắt là V2) và Ngân hàng N3, chi nhánh H2 (viết tắt là A2), tại thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 17/01/2024, M sử dụng CMND giả số 063777621 dán ảnh của M, nhưng mang tên HOÀNG QUỐC V1 (có nhân thân: sinh ngày 15/4/1984; nơi thường trú: Y, L, Yên Bái do Công an tỉnh Y cấp) để mở tài khoản số 077198130001 tại Ngân hàng L3, chi nhánh Đ1, Hà Nội.

Cơ quan điều tra thu giữ 01 CMND mang tên Nguyễn Tiến L1 và 04 bộ hồ sơ M mở tài khoản tại các Ngân hàng: L3, A2, V2. Tại các bản kết luận giám định số 195/KL- KTHS ngày 30/01/2024 và số 552/ KL- KTHS ngày 23/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận: 01 CMND mang tên Nguyễn Tiến L1 là “giả”. Chữ viết Hoàng Quốc V và Nguyễn Phương A trong các hồ sơ mở tài khoản ngân hàng do M viết ra.

Tra cứu thông tin của các CMND: số 130557719 mang tên Nguyễn Phương A, số 085888741 mang tên Phạm Văn H, số 063777621 mang tên Hoàng Quốc V và số 132777611 mang tên Nguyễn Tiến L1 tại phần mềm quản lý dữ liệu dân cư, kết quả không có thông tin tại cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư về những người này.

Quá trình điều tra, Trần Văn M khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên và khai: khoảng tháng 11/2023, M được người có tài khoản T3 “Cacom” liên hệ thuê mở tài khoản ngân hàng với giá 500.000 đồng/tài khoản. M gửi ảnh chân dung của M cho “Cacom” để làm CMND giả. M nhận được 04 CMND giả

qua một người không quen biết chuyển đến, đều dán ảnh của M nhưng mang các tên khác nhau gồm: Nguyễn Phương A, Nguyễn Tiến L1, Hoàng Quốc V và Phạm Văn H. CMND mang tên Phương A và V, sau khi mở tài khoản ngân hàng xong thì M đã đốt đi, còn CMND mang tên H bị rơi mất. M đã nhận của “C” số tiền 2.200.000 đồng, đã chi tiêu cá nhân, còn lại 735.000 đồng đã bị Cơ quan điều tra thu giữ.

Tại bản Cáo trạng số: 1468/CT- VKSCP ngày 18/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Trần Văn M về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b, c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng: điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo: Trần Văn M từ 30 (ba mươi) tháng tù đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 22/01/2024.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý vật chứng của vụ án.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Người làm chứng: chị Trần Thị Minh T1 trong quá trình điều tra có lời khai thể hiện: chị là nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh Q. Sáng ngày 22/01/2024, có một người đàn ông đến làm thủ tục mở tài khoản ngân hàng và cung cấp Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tiến L1 để mở tài khoản. Chị thấy hình ảnh Giấy chứng minh nhân dân do người đàn ông cung cấp giống với hình ảnh trong hệ thống cảnh báo của Ngân hàng. Do đó, chị nghi ngờ người đàn ông này sử dụng chứng minh nhân dân giả để mở tài khoản ngân hàng, nên chị đã trình báo Cơ quan Công an. Tại Cơ quan Công an chị được biết người đàn ông sử dụng Giấy chứng minh nhân dân mở tài khoản, tên thật là Trần Văn M.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị N1, chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Văn T2 trong quá trình điều tra đều có lời khai về thời gian, địa điểm, sự việc Trần Văn M sử dụng Giấy chứng minh nhân dân giả để mở tài khoản ngân hàng, phù hợp với lời khai nhận của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Hành vi của bị cáo, qua tranh tụng tại phiên tòa Trần Văn M đều thừa nhận: khoảng tháng 9 năm 2023, M quen biết với một đối tượng trên mạng xã hội T3 sử dụng tên tài khoản là “Cacom”. Đối tượng này đã thuê M sử dụng Giấy chứng minh nhân dân giả để lập tài khoản ngân hàng với giá 500.000 đồng/tài khoản, M đồng ý. Khoảng tháng 11/2023, tại tỉnh Bắc Ninh, M đã có hành vi cung cấp ảnh để người khác (chưa rõ lai lịch) làm giả 04 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Phương A, Nguyễn Tiến L1, Hoàng Quốc V và Phạm Văn H nhưng dán ảnh của M. Sau đó, từ ngày 09 đến ngày 22/01/2024 tại thành phố Hà Nội, tỉnh Hải Dương, tỉnh Hưng Yên và phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, M đã 05 lần sử dụng 03 chứng minh nhân dân giả mang tên Phương A, V và Luật để mở 05 tài khoản tại các ngân hàng: Ngân hàng thương mại cổ phần B2 (02 tài khoản), Ngân hàng N3 (01 tài khoản), Ngân hàng thương mại cổ phần N2 (01 tài khoản) và đang làm thủ tục mở 01 tài khoản tại Ngân hàng thương mại cổ phần B thì bị phát hiện, thu giữ vật chứng.

Hội đồng xét xử thấy, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác. Bị cáo đã cung cấp ảnh để làm 04 tài liệu Giấy chứng minh nhân dân giả và còn sử dụng giấy CMND giả lập 05 tài khoản ngân hàng, chuyển cho đối tượng (không rõ lai lịch) để thu lợi nên bị cáo đã phạm tội: “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng số 1468/CT-VKSCP ngày 18/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

Điều 341 của Bộ luật hình sự, quy định:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác;”.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện tội phạm: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm hoạt động đúng đắn, bình thường và uy tín của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu. Bị cáo là người trưởng thành, biết và nhận thức được hành vi của bản thân

là vi phạm pháp luật, nhưng do thiếu ý thức chấp hành pháp luật, hám lợi, bị cáo đã bất chấp điều đó, thực hiện tội phạm để thoả mãn nhu cầu của bản thân. Để đạt được mục đích, bị cáo đã cung cấp ảnh chân dung của mình để làm giả giấy CMND và sử dụng giấy tờ giả này lập tài khoản ngân hàng, rồi chuyển tài khoản ngân hàng cho đối tượng khác, nhằm mục đích thu lợi bất chính. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai là cần thiết, cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử lý về mặt hình sự nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại đi vào con đường phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện xin đầu thú tại Cơ quan Công an, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy, bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- 02 (hai) Chiếc sim thu giữ của Trần Văn M. Đây là vật chứng, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Remid 13C, lưng máy màu xanh thu giữ của Trần Văn M. Đây là tài sản, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Tiền Ngân hàng N4 735.000 đồng. Đây là tiền liên quan đến việc phạm tội, nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tiến L1, là tài liệu giả; 01 (một) USB màu đen. Đây là tài liệu, vật chứng lưu hồ sơ vụ án.

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định: bị cáo Trần Văn M đã nhận của đối tượng “Cacom” số tiền 2.200.000 đồng, đã chi tiêu cá nhân. Đây là tiền thu lợi bất chính nên phải truy thu của bị cáo số tiền này nhưng được trừ đi số tiền 735.000đ (bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) đã thu giữ ở trên. Do đó, truy thu nộp ngân sách Nhà nước của bị cáo số tiền 1.465.000đ (một triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Liên quan trong vụ án: đối với tài khoản T3 “Cacom” theo M khai đã làm giả Giấy CMND đưa cho M để mở tài khoản ngân hàng; cũng như 04 tài khoản ngân hàng M1 đã mở tại các ngân hàng: L3 (02 tài khoản), A2 (01 tài

khoản), V2 (01 tài khoản). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã yêu cầu các ngân hàng chuyển số dư đến tài khoản tạm gửi của Công an thành phố C, đồng thời tách hành vi trên cùng tài liệu liên quan đến 04 tài khoản này để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau đối với những tài khoản và số tiền dư.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Trần Văn M phạm tội: “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng: điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn M: 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/01/2024.

Áp dụng: điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) Chiếc sim (không xác định số sim) trên sim 1 có 4 dãy số: 89840, 48000, 91205, 9433; trên sim 2 có 4 dãy số: 8984, 04800, 09154, 11992 thu giữ của Trần Văn M.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Remid 13C, lưng máy màu xanh (thu giữ của Trần Văn M).

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 735.000đ (Bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng N4.

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước của: bị cáo Trần Văn M số tiền 1.465.000đ (một triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

(Tình trạng các vật chứng và số tiền trên theo biên bản giao nhận vật chứng số 146/BB- THA, ngày 07/8/2024 và số 151/BB- THA, ngày 19/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh).

Buộc bị cáo Trần Văn M phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Cẩm Phả;
- THADS TP Cẩm Phả;
- Bị cáo;
- CQCSĐT CATP Cẩm Phả;
- CQ THAHS CATP Cẩm Phả;
- CQHSNVCS CATP Cẩm Phả;
- Nhà tạm giữ Công an TP Cẩm Phả;
- Lưu HS. Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đạt

